

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP MAJ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP MAJ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAJ AGRICULTURAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MAJ JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109488459

3. Ngày thành lập: 11/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà 4C, hẻm 299/15/8 ngõ 35 Phố Mai Động, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 084 2555 687

Fax:

Email: angelapham@mcorp.vn

Website: www.mcorp.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;	5911
2.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;	6190
3.	In ấn	1811
4.	Sửa chữa thiết bị liên lạc (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9512
5.	Sao chép bản ghi các loại	1820
6.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
10.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
11.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng;	5629
14.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
15.	Lập trình máy vi tính	6201
16.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
17.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
18.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
19.	Cổng thông tin Chi tiết: - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. (theo điểm a khoản 5 Điều 23 Nghị định 72/2013/NĐ-CP) - Dịch vụ thương mại điện tử (thực hiện theo khoản 2 Điều 24 Nghị định 52/2013/NĐ-CP)	6312
20.	Quảng cáo	7310
21.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
22.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế website	7410
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

24.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
25.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
26.	Hoạt động hậu kỳ	5912
27.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
28.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	7730
29.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
31.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	4761
32.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ dược phẩm)	4772
33.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
35.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
36.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
37.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
38.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
39.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
40.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
41.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
42.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
43.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
44.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hoá	4610
45.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
46.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (ngoại trừ bán những mặt hàng cấm kinh doanh hoặc có yêu cầu chứng chỉ hành nghề)	4719
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

50.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
51.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
52.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
53.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đầu giá)	4799
54.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
55.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
59.	Điều hành tua du lịch	7912
60.	Dịch vụ đóng gói	8292
61.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161(Chính)
62.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
63.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
64.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
65.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
66.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
67.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
68.	Đại lý du lịch	7911
69.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
70.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ dịch vụ hỗ trợ hàng không)	5229
72.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
73.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
74.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
75.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
76.	Bán buôn thực phẩm	4632
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
78.	Đào tạo sơ cấp	8531
79.	Đào tạo trung cấp	8532
80.	Đào tạo cao đẳng	8533

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG LONG NHẬT	Tổ dân phố 9, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	001093020082	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		
2	PHẠM PHƯƠNG THANH	P313-B6 TT Trung Tự, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	001187008209	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		

3	LÊ THIÊN NGỌC	Tổ 45B, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	40,000	025084000671	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.000	400.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THIÊN NGỌC

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 04/03/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 025084000671

Ngày cấp: 26/04/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 45B, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 45B, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội